

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **425/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/10/2022

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà V Thị Hà Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1940/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 461/2022/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Ng, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Số 17, đường số 1, KDC Cityland, phường 15, quận G, Thành phố H

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: K27, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

Nơi sinh sống hiện nay: tổ 16A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đ.

(bà Ng có đơn xin vắng mặt, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ng trình bày : bà và ông Nguyễn Văn V xây dựng

gia đình vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2002 tại UBND phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong chuyện làm ăn kinh tế của gia đình. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ tháng 01/2021 cho đến nay vợ chồng bà đã không còn chung sống với nhau. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông V có 02 con chung:

1. Nguyễn Ngọc Yến N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành)
2. Nguyễn Ngọc Kiều Kh, sinh ngày 18/7/2015.

Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kiều Kh. Bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kiều Kh sinh ngày 18/7/2015 cho bà Ng chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng quy định Pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** bà Ng yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn V, theo biên bản xác minh tại Công an phường An Hoà ngày 28/7/2022 ông V là bị đơn thường xuyên sinh sống tại địa chỉ tổ 16A, khu phố An Hoà, phường Hoà An, thành phố B, tỉnh D. Căn

cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo công khai việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng đều vắng mặt không có lý do. Bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, Điều 208; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** bà Ng và ông Nguyễn Văn V xây dựng gia đình vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2002 tại UBND phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong chuyện làm ăn kinh tế của gia đình. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ tháng 01/2021 cho đến nay vợ chồng bà đã không còn chung sống với nhau. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để trả tự do cho nhau.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết bà Ng cung cấp cho Toà án Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 547/2010/QĐST – HNGĐ ngày 26/5/2010, Quyết định đình chỉ số 127/2017/QĐST – HNGĐ ngày 07/3/2017 về việc rút yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Ng đối với ông Nguyễn Văn V. Mặt khác sau khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần mời ông V đến làm việc nhưng ông V không đến chứng tỏ ông đã bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình không quan tâm đến việc hàn gắn gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 31/8/2022 của chính quyền địa phương xác nhận tại địa chỉ 16A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đ chỉ có ông V sinh sống còn bà Ng không sinh sống tại địa chỉ này.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà Ng, ông V có kéo dài cũng không đem đến hạnh phúc, ông V không có thiện chí hoặc biện pháp để hàn gắn gia đình, mục đích hôn nhân không đạt; Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Ng, cho bà Ng được ly hôn với ông V.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Ng và ông V có 02 con chung:

3. Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh năm 2003 (đã trưởng thành)
4. Nguyễn Ngọc Kiều Kh, sinh ngày 18/7/2015.

Ly hôn bà Ng yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kiều Kh. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian sống ly thân cháu Kh là do bà Ng nuôi dưỡng, mọi sinh hoạt và học tập của các cháu đã có sự ổn định, cháu Khanh là bé gái cần hơn sự quan tâm của người mẹ, đồng thời qua tham khảo ý kiến cháu Khanh đã trên 7 tuổi, nguyện vọng của cháu thích sống với mẹ, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Ng giao cháu Khanh cho bà Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông V không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V được quyền thăm nom con không ai cản trở.

[4] Về tài sản chung: Do chưa có ý kiến trình bày của ông V về tài sản chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: do chưa có ý kiến trình bày của ông V về nợ chung nên giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 207, Điều 208; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng, xử cho bà Ng được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kiều Kh, sinh ngày 18/7/2015 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Văn V không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung : Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu

4. Về nợ chung : Giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu.

5. Về án phí: Bà Ng phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0003451 ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Ng, ông Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên hòa
- THADS thành phố Biên Hòa
- Các đương sự
- Nơi đăng ký kết hôn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

V Thị Hà Vân

